

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ- ST
Ngày 15/4/2022
*“V/v: Thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau khi ly hôn”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Nguyễn Thị Tú Oanh;
 2. Ông Hồ Xuân Giao;
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 682/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Quang M – Sinh năm 1984 (Có mặt);

Bị đơn: Bà Phan Thị N – sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Quang M trình bày có nội dung:*

Ông Bùi Quang M và bà Phan Thị N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung là: Bùi Gia B – Sinh ngày 24/7/2008, Bùi Quang H – Sinh ngày 10/6/2014, Bùi Bích P – Sinh ngày 26/01/2016, Bùi Quang T – Sinh ngày 21/3/2018. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn căng

thăng nên vợ chồng đã ly hôn. Tại bản án số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 25/01/2019, Tòa án giao cho bà Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Bùi Gia B – Sinh ngày 24/7/2008, Bùi Quang H – Sinh ngày 10/6/2014, Bùi Bích P – Sinh ngày 26/01/2016, Bùi Quang T – Sinh ngày 21/3/2018 đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, bà N đã không thực hiện nghĩa vụ nuôi con mà bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ tháng 02/2019 đến nay. Các con chung hiện nay đang ở với ông M.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giao các cháu Bùi Gia B – Sinh ngày 24/7/2008, Bùi Quang H – Sinh ngày 10/6/2014, Bùi Bích P – Sinh ngày 26/01/2016, Bùi Quang T – Sinh ngày 21/3/2018 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để tiện cho việc làm thủ tục giấy tờ cho các cháu học hành sau này, vì thực tế ông M là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu từ khi ly hôn cho đến nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án, xét thấy: Theo bản án số 10/2019/HNGĐ- ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thì bà Phan Thị N được Tòa án giao trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Bùi Gia B – Sinh ngày 24/7/2008, Bùi Quang H – Sinh ngày 10/6/2014, Bùi Bích P – Sinh ngày 26/01/2016, Bùi Quang T – Sinh ngày 21/3/2018 đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, từ tháng 02/2019 bà N bỏ đi nơi khác sinh sống, đã không thực hiện nghĩa vụ nuôi con dưỡng các con chung mà để ông M trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Do đó ông Bùi Quang M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Quang M về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Giao các con chung là Bùi Gia B – Sinh ngày 24/7/2008, Bùi Quang H – Sinh ngày 10/6/2014, Bùi Bích P – Sinh ngày 26/01/2016, Bùi Quang T – Sinh ngày 21/3/2018 cho bà Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Ông Bùi Quang M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn ông Bùi Quang M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với bị đơn bà Phan Thị N có nơi cư trú tại thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về thủ tục tố tụng*: Xét thấy bị đơn bà Phan Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét thấy: Tại bản án số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, quyết định giao các cháu Bùi Gia B – Sinh ngày 24/7/2008, Bùi Quang H – Sinh ngày 10/6/2014, Bùi Bích P – Sinh ngày 26/01/2016, Bùi Quang T – Sinh ngày 21/3/2018 cho bà Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, từ tháng 02/2019 đến nay, bà N đã bỏ đi nơi khác sinh sống, không thực hiện việc nuôi dưỡng các con chung mà ông M là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện ông Bùi Quang M hiện nay đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu các cháu Bùi Gia B, Bùi Quang H, Bùi Bích P, Bùi Quang T. Như vậy, việc ông Bùi Quang M có đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Bùi Quang M không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Ông Bùi Quang M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang M về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn với bị đơn bà Phan Thị N;

- *Về con chung:* Giao các con chung là Bùi Gia B – Sinh ngày 24/7/2008, Bùi Quang H – Sinh ngày 10/6/2014, Bùi Bích P – Sinh ngày 26/01/2016, Bùi Quang T – Sinh ngày 21/3/2018 cho ông Bùi Quang M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Bùi Quang M không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bà Phan Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở;

- Về án phí: Ông Bùi Quang M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà ông Bùi Quang M đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0009847 ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn ông Bùi Quang M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn bà Phan Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. B;
- Thi hành án dân sự TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương